

Giáo dục hòa nhập - Cánh cửa rộng mở cho trẻ em khuyết tật tại Việt Nam

Lê Minh Hằng

Sinh viên trường Swarthmore College

Khóa luận thực tập hè 2013 tại Viện Aspen

1. Giới thiệu

Hình ảnh điển hình về trẻ em khuyết tật ở Việt Nam là những đứa trẻ trông không bình thường và đầy bất lực. Sự kỳ thị này chỉ là một trong rất nhiều cách khiến những đứa trẻ này bị gạt ra lề xã hội. Vì phần lớn xã hội tin rằng các em không có khả năng làm gì cả nên trẻ em khuyết tật bị loại ra khỏi mọi mặt đời sống: không được chăm sóc sức khỏe thỏa đáng; không có bạn bè; không được hưởng các cơ hội học tập. Do không được đến trường nên các em thiếu kiến thức và kỹ năng sống, dẫn đến mất cơ hội việc làm và không hoàn toàn tham gia vào xã hội khi trưởng thành. Hiếm nhiên điều này chỉ càng làm tăng thêm sự kỳ thị đối với người khuyết tật nói chung và những trẻ em kém may mắn nói riêng.

Để chấm dứt tình trạng trên, xã hội cần can thiệp càng sớm càng tốt thông qua hệ thống giáo dục hòa nhập. Giáo dục hòa nhập cho phép mọi trẻ em, khuyết tật cũng như bình thường, được học tập trong cùng một môi trường, nơi các điều kiện được điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu của trẻ em khuyết tật. Một hệ thống như vậy sẽ cho phép trẻ em khuyết tật được thể hiện tối đa khả năng của mình cũng như tạo điều kiện để các em chứng minh được rằng mình cũng có khả năng như mọi đứa trẻ khác. Giáo dục hòa nhập đã được khuyến khích áp dụng đối với trẻ khuyết tật trên toàn cầu, và tại Việt Nam hệ thống giáo dục này cũng đã nhận được sự ủng hộ về chính sách. Tiếc rằng quá trình triển khai hình thức giáo dục này ở Việt Nam còn chậm và chưa đồng bộ.

Thách thức đầu tiên trong tiến trình thực hiện giáo dục hòa nhập tại Việt Nam là việc thiếu dữ liệu chính xác và cập nhật về tình hình khuyết tật, theo như các yêu cầu trong Luật về Người khuyết tật ban hành năm 2010. Khi thiếu số liệu thì nhiều vấn đề cấp bách liên quan đến không chỉ trẻ em mà người khuyết tật nói chung sẽ bị bỏ qua. Nhiều người tiếp tục đánh giá không hết nhu cầu được giáo dục của trẻ khuyết tật.

Việc đánh giá không đầy đủ này kéo theo sự quan tâm không thỏa đáng đến đào tạo đội ngũ giáo viên về giáo dục hòa nhập. Giáo dục hòa nhập hiếm khi được đưa vào các chương trình sư phạm, và hầu hết thông tin về giáo dục hòa nhập chỉ được truyền bá trong khuôn khổ các hội thảo nhỏ và các khóa tập huấn ngắn hạn. Thiếu kiến thức về giáo dục hòa nhập cũng có nghĩa rằng các trường học ngại ngần không muốn nhận trẻ em khuyết tật. Thực trạng trên đòi hỏi cấp thiết phải xây dựng năng lực nhằm thực hiện giáo dục hòa nhập ở mọi cấp, mọi địa phương.

Ngoài ra, các cán bộ chịu trách nhiệm về những chương trình dành cho trẻ khuyết tật còn bị lúng túng, khó chủ động quyết định công việc do cách tiếp cận của Bộ Giáo dục và Đào tạo không nhất quán hoàn toàn với cách tiếp cận của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Trong khi Bộ Giáo dục và Đào tạo đã cam kết thực hiện giáo dục hòa nhập từ năm 2005 thì Bộ Lao động Thương binh và Xã hội lại có chính sách riêng cho trẻ em khuyết tật và cung cấp cho các em hệ thống giáo dục riêng biệt. Để trẻ em khuyết tật có thể hòa nhập hoàn toàn vào cộng đồng,

hai Bộ này cần phối hợp hiệu quả hơn không chỉ giữa hai Bộ với nhau mà còn với cả các ban ngành khác, kể cả với giáo viên và cha mẹ các em, để đáp ứng các nhu cầu của trẻ em khuyết tật.

Tóm lại, chỉ khi toàn xã hội thay đổi cách nhìn của mình đối với người khuyết tật thì việc xây dựng một xã hội không có rào cản cách biệt giữa mọi người mới có thể thành công. Người dân Việt Nam nên xem lại một số hành động được coi như là hiển nhiên của mình, ví dụ như “văn hóa trao quà” trong đó người làm từ thiện đến thăm một cơ sở khuyết tật nào đó nhân dịp Trung thu hay Tết và tặng sách, đồ chơi cho trẻ em ở đó. Những hoạt động khá phổ biến này, mặc dù đầy ý nghĩa, song nó sẽ chỉ càng đẩy xa thêm trẻ khuyết tật ra bên lề. Điều này cũng sẽ xảy ra tương tự đối với việc giáo dục cho trẻ khuyết tật: hầu hết các em này hoàn toàn có khả năng tham gia đầy đủ vào các hoạt động của một lớp học bình thường với bạn bè của mình mà không nhất thiết chỉ là đối tượng từ thiện vào các dịp lễ tết.

Đặt vấn đề

Phần đầu tiên của báo cáo này mô tả những rủi ro của sự nghèo đói và bị gạt ra khỏi xã hội mà trẻ em khuyết tật có thể gặp phải cũng như những quan niệm truyền thống của xã hội đối với người khuyết tật dẫn đến phân biệt đối xử. Phần tiếp theo sẽ giải thích vì sao giáo dục hòa nhập được cho là giải pháp của vấn đề. Sau đó các chính sách hỗ trợ giáo dục sẽ được tóm tắt nhằm cung cấp cơ sở pháp lý cho giáo dục hòa nhập tại Việt Nam. Phần thứ tư sẽ mô tả những thành tựu cũng như những thách thức trong thực thi các chính sách giáo dục hòa nhập. Báo cáo sẽ kết thúc bằng ba ví dụ cho việc giáo dục hòa nhập đã được thực hiện như thế nào tại Việt Nam.

Tôi bắt đầu quan tâm đến nhu cầu của trẻ em khuyết tật từ khi tình nguyện tham gia vào một trung tâm đặc biệt dành cho trẻ tự kỷ và khuyết tật ở Hà Nội vào năm 2010. Tại trung tâm này, mặc dù khá nổi tiếng và được nhiều nhà tài trợ, nhiều tổ chức tình nguyện biết đến, song vẫn còn cần rất nhiều sự hỗ trợ cả về vật chất và tinh thần. Giáo viên nơi đây luôn bị quá tải vì số lượng học sinh; không đủ đồ chơi và các thiết bị giáo dục phù hợp với các em; và trên hết là ánh mắt buồn thương trực trên gương mặt cả học sinh, giáo viên và cha mẹ các em. Rất nhiều trẻ em khuyết tật nơi đây hoàn toàn có thể cùng học với trẻ không khuyết tật trong hệ thống giáo dục hòa nhập. Trên thế giới, nhiều quốc gia với nền giáo dục phát triển đã thực hiện giáo dục hòa nhập trong một thời gian dài. Vì vậy, tôi đã quyết định tìm hiểu rõ hơn thực trạng giáo dục hòa nhập ở Việt Nam và hiệu quả của nó trong việc đáp ứng các nhu cầu của trẻ em khuyết tật.

Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam vào năm 2005 đã cam kết với định hướng về giáo dục hòa nhập trên cả nước, và Bộ đã thông qua một Nghị định về giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật vào năm 2006. Năm 2010, Luật về người khuyết tật được ban hành một lần nữa khẳng định cam kết của Chính phủ Việt Nam trong việc cung cấp cơ hội giáo dục cho toàn xã hội, theo đó khẳng định cung cấp giáo dục hòa nhập cho tất cả trẻ em khuyết tật. Với khuôn khổ chính sách và pháp lý đã có như vậy, giờ là lúc chúng ta phải giải quyết những vấn đề khác. Đó là các chính sách đó đã được thực thi như thế nào trên thực tiễn? Việt Nam đã đạt được những thành tựu gì và còn những khó khăn, thách thức gì cần phải giải quyết?. Chúng ta đã đi được đến đâu trên hành trình đưa toàn bộ trẻ em khuyết tật vào hệ thống giáo dục hòa nhập?.

Để tìm câu trả lời cho các câu hỏi trên, trong tháng 6 năm 2013, tôi đã đến thăm một số trung tâm về giáo dục hòa nhập và hỗ trợ trẻ em khuyết tật ở Việt Nam. Tôi đã có điều kiện trao đổi với nhiều phụ huynh, giáo viên và chính các em khuyết tật để tìm hiểu về nhu cầu cũng như nguyện vọng trong tương lai về giáo dục hòa nhập. Những ý kiến quý báu của họ, cùng với nguồn tài liệu hiện có đã giúp tôi dựng nên được bức tranh về thực trạng giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật ở Việt Nam. Báo cáo này như là một tài liệu giới thiệu về giáo dục hòa nhập ở Việt Nam dành cho những ai muốn kiếm tìm phương thức bền vững và có tính hệ thống hơn nhằm hỗ trợ trẻ em khuyết tật mà chưa rõ nên bắt đầu từ đâu. Câu trả lời là giáo dục hòa nhập – một lĩnh vực mà thậm chí chỉ cần chúng ta thay đổi một chút cũng có thể mở ra cánh cổng cho phép trẻ em khuyết tật sống một cuộc sống đàng hoàng, tự lực và có giá trị trong xã hội.

2. Trẻ em khuyết tật và Nhận thức chung của cộng đồng

2.1. Trẻ em khuyết tật

Luật Người khuyết tật năm 2010 đã định nghĩa:

Người khuyết tật là người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn.

Cho đến nay vẫn chưa có tỷ lệ chính thức số người khuyết tật ở Việt Nam. Các cuộc điều tra đã cho các số liệu khác nhau, và việc thiếu các dữ liệu chính xác là khá phổ biến tại Việt Nam. Ví dụ, Tổng điều tra toàn quốc về dân số và nhà cửa năm 2009 đã sử dụng bộ câu hỏi dựa trên Khung phân loại quốc tế về chức năng, khuyết tật và sức khỏe (ICF). Kết quả từ cuộc điều tra này cho thấy có 7,3% dân số Việt Nam bị khiếm khuyết ít nhất một trong những chức năng sau: thị giác, thính giác, vận động, và tập trung hoặc ghi nhớ (UNFPA, 2011). Đây là một con số hoàn toàn khác biệt so với số liệu 15,3% mà cuộc Điều tra mức sống dân cư 2006 đã đưa ra (NCCD, 2010). Sự khác biệt này có thể được lí giải bởi định nghĩa khuyết tật không đồng đều và cách đặt câu hỏi khi điều tra (ví dụ, các câu hỏi dựa trên khung phân loại ICF không bao gồm tất cả các loại khuyết tật). Tuy nhiên, dù là 7,3% hay 15,3% , tỷ lệ khuyết tật ở Việt Nam vẫn nằm ở mức cao nhất trong khu vực, có thể do những tổn động từ chiến tranh khi mà 10-15% miền nam Việt Nam bị phun chất diệt cỏ có Chứa độc da cam. Hàng triệu binh lính và người dân Việt Nam đã tiếp xúc với chất độc đi-ô-xin lẫn trong Chứa độc da cam và các loại chất diệt cỏ khác. Đi-ô-xin, một tạp chất trong Chứa độc da cam, là một loại độc tố phân hủy rất chậm và có thể dẫn tới di chứng là sức khỏe yếu và dị tật bẩm sinh hàng thập niên sau khi chiến tranh kết thúc (Aspen Institute, n.d.).

Theo Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (BLĐTBXH), 1,3 triệu người khuyết tật là trẻ em giữa độ tuổi 5 và 18 (NCCD, 2010). Khuyết tật thân thể, khuyết tật trí tuệ và khiếm thính là ba nhóm khuyết tật phổ biến nhất.

Đối với trẻ khuyết tật (TKT), sự tách biệt với xã hội bắt đầu từ sớm. Theo số liệu của cuộc Tổng điều tra dân số 2009, chỉ 66,5% TKT độ tuổi 6-10 được đi học tiểu học, trong khi tỷ lệ toàn quốc là 97,0%. Ngay cả đối với các em được đi học, hệ thống giáo dục hiện nay chưa đủ điều kiện để cung cấp chương trình giáo dục phù hợp và rất nhiều em TKT bị đúp cho đến khi các em quá tuổi tham gia vào giáo dục đại trà. Bỏ học cũng là một vấn đề đáng lo ngại, với khoảng 33,0% các TKT được đi học đã bỏ học vào một thời điểm nào đó. Vấn đề giới cũng là một vấn đề cần được quan tâm; theo một báo cáo năm 2007 của Viện Khoa học Giáo dục Việt

Nam về giáo dục TKT, 55,5% các em gái chưa từng được đặt chân đến trường; tỷ lệ tương tự cho các em trai chỉ là 39,0% (NCCD, 2010).

Không được giáo dục đồng nghĩa với việc khó có việc làm và cơ hội kết nối có ý nghĩa với xã hội sau này. Ở các thành phố, khả năng thất nghiệp của người khuyết tật gấp bốn lần người không bị khuyết tật (UNFPA, 2011). Điều này chỉ càng khiến xã hội tiếp tục duy trì ý nghĩ rằng người khuyết tật là những con người vô dụng cho xã hội. Định kiến này trở thành một cái vòng luẩn quẩn mà người khuyết tật không thể chạy trốn, tạo nên một bức rào ngăn cản sự hòa nhập. Điều đáng buồn là rất nhiều TKT cũng lớn lên với niềm tin vào những định kiến này – rằng các em không có khả năng làm gì cả và xã hội đã đang làm tất cả những gì có thể để chăm sóc cho các em thông qua việc trao quà và tiền từ thiện. Tuy nhiên, những món quà và tiền trợ cấp không thể giải quyết tình trạng nghèo khó phổ biến trong cộng đồng người khuyết tật. Theo BLĐTBXH, 31% hộ gia đình với một thành viên khuyết tật sống trong nghèo khó, và con số này tăng lên đến 63% đối với các hộ gia đình có ba thành viên khuyết tật (MOLISA, 2006). Đây là tương lai dường như đã định sẵn cho trẻ em khuyết tật ở Việt Nam.

2.2. Thay đổi cách nhìn của cộng đồng: từ từ thiện đến nhân quyền

Những khó khăn của trẻ khuyết tật nói riêng và người khuyết tật nói chung phần nào là kết quả cũng những thành kiến lâu năm về bản chất của sự khuyết tật. Trẻ khuyết tật thường xuất hiện trên truyền thông với hai vai trò. Vai trò thứ nhất là đem sự chú ý tới lòng hảo tâm của một cơ quan đoàn thể nào đó thể hiện bằng những món quà hào phóng cho các em bé đáng thương này. Rất ít khi người ta đặt vấn đề trợ giúp một cách có hệ thống thay cho những món quà nhất thời. Với cách miêu tả này, thật không khó để hiểu xu hướng nhìn nhận trẻ khuyết tật (và cả cộng đồng khuyết tật) như những con người thấp kém không bao giờ có thể trở thành “chỉ một người bình thường” đóng góp cho xã hội.

Loại câu chuyện thứ hai thể hiện vai trò thứ hai là tập trung vào những trẻ khuyết tật rất thành công trong học tập và tràn đầy hy vọng cho một tương lai tươi đẹp hơn. Mặc dù những bài báo như này xuất hiện với tần suất ít hơn song chúng không phải là hiếm, và là những tấm gương xuất sắc cho sự kiên định và chăm chỉ. Một ví dụ là câu chuyện của Nguyễn Hữu Toàn. Toàn nổi bật so với bạn bè em trước cổng trường thi đại học khi một tình nguyện viên chậm rãi đẩy xe em ra nơi mẹ em đang chờ. Bị căn bệnh thoái hóa cơ tủy từ nhỏ, Toàn chưa bao giờ đi lại được trên chính đôi chân mình. Thay vào đó, trong 12 năm qua mẹ em đã đẩy em trên xe lăn đến trường hàng ngày, và giờ đây là đến kì thi đại học mà học sinh Việt Nam coi như là dấu hiệu cho sự sống hay cái chết. Bố Toàn làm xe ôm, mẹ em làm thợ may, và gia đình năm người này luôn thiếu thốn tiền bạc. Mặc mọi khó khăn, mẹ của Toàn luôn quyết tâm để cho con mình được học đại học, bởi vì đó là cách duy nhất gia đình này có thể ước mơ thay đổi số phận.¹

Dù cả hai cách nhìn như mô tả ở trên đều có mục đích tốt đẹp, song cách đưa tin này sẽ chỉ củng cố những quan niệm sai lầm về khuyết tật. Các bài báo như thế này phần lớn tập trung vào sự khác biệt chứ không phải sự tương đồng giữa trẻ em bị và không bị khuyết tật, hàm ý rằng đứa trẻ khuyết tật thực sự không bình thường.

¹ (Me day xe lan dua con den truong thi, 2013)

Có rất nhiều phương pháp tiếp cận việc định nghĩa khuyết tật và các vấn đề liên quan, nhưng phần lớn những quan niệm của người Việt Nam vẫn thuộc về Mô hình Từ thiện và/hoặc Mô hình Y học của khuyết tật.

Mô hình Từ thiện coi những cá nhân bị khuyết tật là những người bất lực cần các dịch vụ trợ giúp đặc biệt để có thể hoạt động trong đời sống thường ngày. Người khuyết tật bị coi là đáng thương, và theo mô hình này, từ thiện là cách duy nhất để giúp đỡ những con người khốn khổ này. Trên thực tế, 98% cộng đồng tin rằng người khuyết tật rất đáng thương hại (ISDS, 2011). Người ta cũng hay tin rằng khuyết tật là lỗi của cá nhân, là sự trừng phạt cho những tội ác của kiếp trước.

Mô hình Y học cũng coi khuyết tật là một vấn đề cá nhân cần được chữa trị. Ấn ý trong cách nhìn này là người khuyết tật thật sự bất bình thường hay có khiếm khuyết. Cũng giống như Mô hình Từ thiện, Mô hình Y học tập trung vào các cơ sở chuyên biệt để cung cấp các phương pháp điều trị, giáo dục cũng như việc làm cho người khuyết tật.

Cả hai mô hình trên đều coi người khuyết tật như những vấn đề cần được giải quyết. Tuy nhiên, trên thực tế khuyết tật là một vấn đề có tính chất xã hội; chính xã hội đã tạo ra những rào cản làm cho những con người này không có khả năng hoạt động và tham gia đóng góp một cách bình đẳng cho cuộc sống. Chính vì vậy, cái cần được giải quyết không phải người khuyết tật mà là cách nhìn của xã hội hiện nay và những hàng rào vô tình ngăn cản không cho người khuyết tật tham gia vào đời sống xã hội. Cách tiếp cận này được gọi là Mô hình Xã hội.

Dựa trên Mô hình Xã hội, có thể thấy rõ rằng rất nhiều người khuyết tật có khả năng thành công không kém bất cứ ai nếu họ nhận được sự chăm sóc và những cơ hội đúng đắn. Trên thực tế, đây hoàn toàn là những quyền cơ bản của họ. Đây là Mô hình Nhân quyền của khuyết tật với trọng tâm là sự hòa nhập của người khuyết tật trong xã hội và sự đảm bảo là họ có quyền được hưởng những cơ hội bình đẳng và tham gia vào đời sống xã hội. Mọi xã hội nên theo đuổi mô hình này nếu chúng ta muốn bảo đảm một cuộc sống tự lập và có tự trọng cho người khuyết tật.

Dưới đây là một số ví dụ cho bốn Mô hình của khuyết tật đã miêu tả ở trên:

Tình huống	Mô hình Từ thiện	Mô hình Y học	Mô hình Xã hội	Mô hình Nhân quyền
Một cô gái trẻ ngồi trên xe lăn	“Thật đáng thương là cô gái xinh đẹp này bị bó buộc vào cái xe lăn, cô ấy sẽ chẳng bao giờ có thể lấy chồng, có con và chăm sóc cho gia đình mình.”	“Ôi, cô gái tội nghiệp này, cô ta nên đi khám và trao đổi với bác sĩ xem có phương pháp điều trị nào có thể chữa cho cô ấy đi lại được như tất cả mọi người.”	“Cộng đồng nên xây các đoạn dốc trước cửa các tòa nhà công cộng, để những người như cô gái này có thể tham gia vào đời sống xã hội.”	“Khi cô ấy có việc làm, cơ quan của cô sẽ phải xây các căn phòng tiếp cận được. Đó là quyền của cô ấy!”
Một người đàn ông	“Hãy nhìn người đàn ông khốn khổ này, ông ta trông như bị	“Biết đâu có thuốc chữa hay cách điều trị nào đó có thể	“Thật tốt là ông ta có thể sống với anh trai, để ông ấy	“Không biết ông ta muốn sống ở đâu nhỉ? Chúng

bị khuyết tật trí tuệ	thiếu năng vậy, sẽ tốt hơn nếu ông ấy sống trong viện tâm thần để người khác có thể chăm sóc cho ông ấy.”	chữa bệnh cho ông ta. Ông ấy nên đi khám với bác sĩ tâm thần.”	có thể được tiếp xúc với những người không khuyết tật.”	ta hãy hỏi thẳng ông ấy!”
Bố mẹ có con gái khiếm thính	“Chắc họ rất buồn khi có được đứa con và biết rằng nó sẽ không bao giờ sống được tự lập.”	“Tôi tin chắc rằng trong vài năm nữa sẽ có một chiếc máy trợ thính có thể giúp cho cháu bé nghe được.”	“Tất cả chúng ta nên học ngôn ngữ ký hiệu, để cho chúng ta có thể giao tiếp với cháu bé này và tất cả những người khiếm thính.”	“Khi đứa trẻ này lớn lên, nó sẽ được học đại học nếu như nó muốn.”

(HI, n.d.)

Nhìn chung, xã hội Việt Nam vẫn nhìn nhận khuyết tật theo mô hình từ thiện và/hoặc y học, và chính vì vậy những định kiến và sự phân biệt đối xử vẫn tiếp tục là mối đe dọa đối với người khuyết tật. Trên thực tế, người khuyết tật hoàn toàn có khả năng tận hưởng một cuộc sống tự lập và tự trọng dựa trên nhân quyền. Người khuyết tật có thể đi làm và cống hiến cho nền kinh tế không kém ai khác. Trẻ em khuyết tật có khả năng đi học và vui đùa với những đứa trẻ “bình thường”. Thực ra, những khiếm khuyết về thể chất chỉ càng làm các em quyết tâm thành đạt và chứng minh với người ta rằng trẻ em khuyết tật hoàn toàn có thể học giỏi bằng hoặc hơn các trẻ em khác. Nếu chúng ta phớt lờ tiềm năng ấy, chúng ta sẽ chỉ đẩy các em tới một cuộc đời nghèo khó và cô đơn, và toàn thể cộng đồng cũng đã mất đi một lực lượng lao động đáng quý. Các quyền lợi của trẻ em khuyết tật cần được bảo vệ bằng cách xây dựng một xã hội hòa nhập, không rào cản cho tất cả mọi người, dù có hay không có khuyết tật.

Bởi lẽ tính hòa nhập hay loại trừ được xác định từ rất sớm, nền móng của một xã hội như vậy cần phải là một nền giáo dục chất lượng và phù hợp để cho tất cả trẻ em có cơ hội tham gia mà không phụ thuộc vào các đặc điểm thân thể của các em.

3. Lý thuyết Giáo dục Hòa nhập

Trong những năm gần đây, giáo dục cho TKT khắp thế giới có xu hướng chủ yếu tiến tới giáo dục hòa nhập – để cho TKT học tập trong cùng một lớp học với các trẻ phát triển bình thường. Đây là một bước tiến lớn trong quá trình phát triển giáo dục cho các nhu cầu đặc biệt, khi sự tách biệt và các trường chuyên biệt đã trở thành phương pháp chính trong nhiều thập kỷ. Năm 2006, Liên hợp quốc đã đảm bảo giáo dục hòa nhập nhận được sự ghi nhận quốc tế với Công ước về Quyền của Người Khuyết tật, trong đó Mục 24 ghi rõ:

Với mục đích hiện thực hóa [quyền được giáo dục] không phân biệt và dựa trên bình đẳng cơ hội, các chính phủ phải đảm bảo một hệ thống giáo dục hòa nhập tại mọi cấp học và sự học hỏi suốt đời hướng tới:

- Sự phát triển trọn vẹn tiềm năng con người và ý thức về tự trọng và giá trị bản thân, và tăng cường sự kính trọng với nhân quyền, các quyền tự do cơ bản và đa dạng;

- Sự phát triển của người khuyết tật về mặt tính cách, năng khiếu và sự sáng tạo, cũng như các khả năng trí tuệ và thể chất đến mức cao nhất có thể;
- Cho phép người khuyết tật có thể tham gia có kết quả trong một xã hội tự do. (UN, 2006)

Tính tới nay, Công ước đã có 155 nước ký kết và 132 nước phê chuẩn. Việt Nam là quốc gia thứ 147 ký kết Công ước về Quyền của Người Khuyết tật, với dự định sẽ phê chuẩn Công ước này vào năm 2014.

Khi vấn đề về cơ hội học tập của trẻ em khuyết tật lần đầu tiên được đặt ra, các nhà giáo dục đã bằng lòng với việc đặt các đứa trẻ này trong những trường học đặc biệt. Những ngôi trường này hoàn toàn bị tách biệt khỏi trường học bình thường, với đội ngũ giáo viên đã được đào tạo để làm việc với trẻ em có nhu cầu đặc biệt với những nguồn lực (chương trình dạy, cơ sở hạ tầng, v.v.) được xây dựng đặc biệt cho trẻ khuyết tật. Hiện nay, một số nhà giáo dục, phụ huynh và các bên liên quan vẫn tin rằng giáo dục đặc biệt như thế này sẽ có hiệu quả hơn giáo dục hòa nhập. Ví dụ như có một số tranh luận rằng trẻ khiếm thính cần được giáo dục với các trẻ khiếm thính khác để phát triển, hoàn thiện khả năng sử dụng ngôn ngữ ký hiệu và cảm thấy thoải mái trong môi trường khiếm thính. Bên cạnh đó, một số nhà giáo dục cũng tin rằng các ngôi trường chuyên biệt với tài nguyên được định sẵn cho học sinh có nhu cầu đặc biệt sẽ hoạt động với năng suất cao và tiết kiệm hơn, dẫn đến sự giáo dục thích đáng cho TKT.

Tuy nhiên, giáo viên cho TKT ở các trường chuyên biệt thường có ít kỳ vọng vào khả năng của các học sinh của mình. Chính vì vậy, TKT trong các trường chuyên biệt thường nhận được sự giáo dục dưới khả năng của mình. Bên cạnh đó, những học sinh này thường không có cơ hội tiếp xúc với những đứa trẻ cũng như người lớn bình thường, và điều này chỉ tiếp tục xây dựng những rào cản ngăn cách người khuyết tật với những người khác. Giáo dục chuyên biệt mang lại cho TKT rất ít cơ hội để trở thành những thành viên đóng góp tích cực cho xã hội, và thay vì đem đến cho TKT quyền được đi học, giáo dục chuyên biệt thực chất trở thành một chướng ngại vật không cho TKT đạt được tiềm năng cao nhất của mình.

Giáo dục hòa nhập chính là câu trả lời cho vấn đề của giáo dục chuyên biệt, bởi vì nó:

- Mang lại cho TKT cơ hội tiếp xúc bình đẳng với nền giáo dục mà các trẻ em bình thường nhận được, dạy cho các em các kỹ năng và sự hiểu biết để thành công trong xã hội;
- Mang đến nhiều cơ hội việc làm, làm yếu đi mối liên kết giữa khuyết tật và sự nghèo đói;²
- Giúp người khuyết tật không chỉ sống độc lập mà còn trở thành những người có đóng góp tích cực cho xã hội;
- Khiến cho các trẻ em (có và không có khuyết tật) được tiếp xúc với những người có hoàn cảnh khác nhau, giúp xây dựng một thái độ tích cực với sự đa dạng, nền móng vững chắc cho một xã hội hòa nhập.

² Một báo cáo từ Ngân hàng Thế giới năm 2011 cho thấy sự tương quan cao giữa mức nghèo và khuyết tật ở Việt Nam, nhất là khi tính thêm các chi phí khuyết tật (Mont & Nguyen, 2011).

Cần phải nhận thấy rằng nhiều khi, cái được gọi là “giáo dục hòa nhập” thực chất chỉ là “hội nhập”. “Hội nhập” là đặt các trẻ khuyết tật vào một lớp học bình thường và cho là các em sẽ tự thích nghi với môi trường mới này. Thay vào đó, hòa nhập theo đúng nghĩa của nó thực chất bao gồm sự thích nghi của giáo viên và lớp học với trẻ em khuyết tật, có thể bằng thay đổi giáo trình, sắp xếp bàn ghế, hoặc chỉnh sửa các hoạt động sao cho phù hợp với khuyết tật của trẻ. Điều đáng buồn là “hội nhập” vẫn đang thịnh hành hơn trên khắp thế giới. Ở Việt Nam cũng không có gì khác biệt. Sự lẫn lộn giữa “hội nhập” và “hòa nhập” cũng là một rào cản trong quá trình triển khai một hệ thống giáo dục có thể bao gồm và hỗ trợ trẻ em khuyết tật đạt được tiềm năng của các em.

Nhiệm vụ của giáo dục hòa nhập là phục vụ nhu cầu của các em có hoàn cảnh khó khăn và làm tất cả mọi thứ có thể để đảm bảo sự hòa nhập hoàn toàn với xã hội và sự phát triển toàn bộ khả năng của các em. Sự đầu tư vào giáo dục hòa nhập sẽ không chỉ đem lại kết quả về mặt phát triển vốn con người hay xây dựng một xã hội mở, nó cũng sẽ thể hiện sự cam kết với việc bảo vệ nhân quyền mà trong trường hợp này, đó là quyền được đến trường, một thứ mà hiện nay đã thành quyền cơ bản ai cũng công nhận. Tuy nhiên, đối với TKT, để có được quyền được giáo dục này là một cuộc chiến mà quá ít người có thể giành phần thắng, nhất là khi có ít người biết đến hoặc họ có những hiểu biết sai lầm về khuyết tật. Việc xây dựng một hệ thống giáo dục mang đến những cơ hội và sự công nhận bình đẳng cho tất cả mọi người là bước đi đầu tiên để giải quyết vấn đề nhận thức. Như Bản tuyên bố Salamanca (từ Hội nghị Quốc tế UNESCO ở Salamanca về Giáo dục Đặc biệt năm 1994) đã nói, giáo dục hòa nhập là “cách tốt nhất để đấu tranh với những thái độ phân biệt đối xử, để xây dựng một xã hội hòa nhập và tiến tới giáo dục cho tất cả mọi người” (UNESCO, 1994).

Giáo dục hòa nhập sẽ đem lại lợi ích cho cả TKT và trẻ bình thường bằng cách chuẩn bị các em cho một xã hội tích hợp phù hợp với quyền bình đẳng không thể chối bỏ của con người. Hơn nữa, xây dựng một hệ thống giáo dục có khả năng phục vụ toàn bộ TKT sẽ càng thúc đẩy sự hòa nhập với xã hội của toàn bộ trẻ em, không phân biệt giới tính, dân tộc, vai vế kinh tế xã hội hay khuyết tật. Việt Nam là một đất nước đã cam kết bảo vệ toàn bộ trẻ em, là tương lai của đất nước, và chính vì vậy Việt Nam nên đặt giáo dục hòa nhập làm trọng tâm hàng đầu trong các nỗ lực cải cách hệ thống giáo dục hiện nay.

4. Hỗ trợ pháp lý cho giáo dục hòa nhập

4.1. Các cam kết quốc tế của Việt Nam về việc trợ giúp người khuyết tật

- Công ước về Quyền của Người Khuyết tật

Việt Nam đã kí Công ước về Quyền của Người Khuyết tật (CRPD) vào tháng 10 năm 2007 và dự kiến sẽ phê chuẩn vào năm 2014. CRPD là một bước tiến quốc tế quan trọng trong việc tuyên bố và bảo vệ quyền của mọi người khuyết tật, và nó đã đưa vấn đề khuyết tật từ một cách nhìn từ thiện sang cách nhìn dựa vào nhân quyền hơn bao giờ hết. Bằng việc ký kết CRPD, Chính phủ Việt Nam đã thể hiện quan điểm của mình về khuyết tật, rằng khuyết tật không chỉ là một vấn đề y học mà còn bao gồm những rào cản xã hội và sự tách biệt khỏi cuộc sống thường ngày bằng sự phân biệt đối xử và những chuẩn mực cũ. Đây cũng là một bước tiến mới trong sự cam kết của Việt Nam sẽ bảo vệ quyền lợi của mọi người khuyết tật Việt Nam, lật lại những lời

đã xuất hiện trong Hiến pháp (Điều 59 và 67) và tiếp tục sứ mệnh của Pháp lệnh về Người Tàn tật năm 1998. Một khi CRPD được phê chuẩn, Việt Nam sẽ “đảm nhận sự đảm bảo và xúc tiến quá trình hiện thực hóa toàn bộ các quyền con người và những quyền tự do cơ bản cho mọi người khuyết tật mà không phân biệt dựa trên bất cứ tiêu chuẩn khuyết tật nào” (UN, 2006).

- *Khung Hành động Thiên niên kỷ Biwako (Thập kỷ Người Khuyết tật Châu Á – Thái Bình Dương 2003-2012)*

Khung hành động Thiên niên kỷ Biwako (BMF) là nỗ lực của Việt Nam và các quốc gia khác trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương tiến tới xây dựng một xã hội hòa nhập, không rào cản và dựa trên nhân quyền mà không cách ly người khuyết tật ra khỏi xã hội. Đây là một bản hướng dẫn các chính sách khu vực về các vấn đề về quyền khuyết tật trong khuôn khổ Thập kỷ Người Khuyết tật Châu Á – Thái Bình Dương 2003 – 2012. Khung hành động bao gồm 7 mục tiêu và vấn đề trọng tâm:

A. Các tổ chức độc lập của người khuyết tật cũng như các hội gia đình và phụ huynh liên quan

B. Phụ nữ khuyết tật

C. Phát hiện sớm, can thiệp sớm, và giáo dục

D. Huấn luyện và việc làm, bao gồm việc làm tự do

E. Tiếp xúc với các môi trường xây dựng và dịch vụ giao thông công cộng

F. Tiếp xúc với thông tin và truyền thông, bao gồm các công nghệ thông tin, truyền thông và trợ giúp

G. Giảm nghèo thông qua nâng cao năng lực, an sinh xã hội và các chương trình sinh kế bền vững

Trong khoảng thời gian từ 2003 – 2012, Việt Nam đã đạt được những bước tiến đáng kể trong việc viết ra những điều luật và chính sách mới theo hướng dẫn của BMF. Nước ta cũng đã thực hiện những cuộc đánh giá định kỳ các chính sách và chương trình về khuyết tật theo những mục tiêu mà BMF đã đặt ra. Cộng với việc ký kết CRPD, Việt Nam đã rõ ràng thể hiện quyết tâm theo đuổi phương pháp tiếp cận vấn đề khuyết tật dựa trên nhân quyền, và hơn tất cả là mong muốn xây dựng một xã hội bao gồm toàn bộ những người khuyết tật.

4.2. Luật Người Khuyết tật 2010

Với sự trợ giúp của nhiều bên liên quan, các tổ chức phi chính phủ, và được khuyến khích bởi những cam kết với CRPD và BMF, Việt Nam đã ban hành Luật Người Khuyết tật (NKT) hoàn chỉnh vào tháng 6 năm 2010, và Luật này đã có hiệu lực thi hành từ 01/01/2011. Luật NKT đóng vai trò nền móng pháp lý vững chắc cho sự bảo vệ mọi người khuyết tật ở Việt Nam. Tuy nhiên, vẫn còn rất nhiều khó khăn trong việc thực thi, nhất là trong những ngày mới thi hành Luật NKT. Các tổ chức, cơ quan và các bên liên quan ở địa phương đã không nhận được sự chỉ dẫn cần thiết từ những người ra quyết định và quan chức ở trung tâm. Để giải quyết những vấn đề này, vào tháng 4 năm 2012, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã thông qua Nghị định 28/2012/ND-CP, là bộ hướng dẫn pháp lý đầu tiên cho việc thực thi Luật Người Khuyết tật.

Lần đầu tiên, Việt Nam có một định nghĩa về khuyết tật chính thức, và chắc chắn nó sẽ giúp cho việc thu thập số liệu, phân loại và xác định mức độ khuyết tật cũng như giám sát tác động của các chương trình. Theo Luật NKT và Nghị định 28/2012/ND-CP, Chính phủ ghi nhận 6 loại khuyết tật: vận động; nghe và nói; nhìn; thần kinh; trí tuệ; và các khuyết tật khác (Chính phủ CHXHCNVN, 2012). Nghị định cũng làm sáng tỏ cách đánh giá các mức độ khuyết tật (đặc biệt nặng, nặng, và nhẹ).

Định nghĩa chính thức này có một số điểm khác biệt so với Khung Phân loại Quốc tế về Chức năng, Khuyết tật và Sức khỏe (ICF)³. Các cuộc khảo sát dựa trên ICF thường phân loại vào sáu dạng khuyết tật – nhìn, nghe, vận động, tập trung/ghi nhớ, tự chăm sóc và giao tiếp – và bốn mức độ khuyết tật – không có khó khăn, có một số khó khăn, nhiều khó khăn, và không thực hiện được (WGDS, n.d.). Các nhóm phân loại của ICF và dạng khuyết tật mà Việt Nam chính thức công nhận có một số điểm tương đồng, tuy nhiên bên cạnh đó vẫn có nhiều khác biệt. Nguyên nhân có thể là do định nghĩa khuyết tật chính thức của Việt Nam không nhấn mạnh nhiều vào hoàn cảnh xã hội và các yếu tố môi trường như Khung ICF. Tuy nhiên, do ngày càng có nhiều cuộc khảo sát và thăm dò ý kiến ở Việt Nam được xây dựng dựa trên khung ICF và bộ câu hỏi của Nhóm Washington về Thông số Khuyết tật (WGDS), những điểm khác biệt giữa định nghĩa của ICF và Chính phủ Việt Nam có thể gây nhiều trở ngại.

Bên cạnh việc cung cấp một định nghĩa khuyết tật chính thức, Luật NKT cũng đặt ra những quyền lợi của người khuyết tật Việt Nam trong tiếp xúc bình đẳng với các dịch vụ chăm sóc y tế chất lượng, phục hồi chức năng, giáo dục, việc làm, dạy nghề, các dịch vụ văn hóa, thể thao và giải trí, giao thông, các nơi công cộng, và công nghệ thông tin. Luật cũng cung cấp một khung pháp lý thiết yếu cho một xã hội hòa nhập, không rào cản và đem lại những cơ hội bình đẳng cho mọi người khuyết tật.

Riêng về mặt giáo dục cho trẻ khuyết tật, Luật NKT quy định rằng ba phương pháp giáo dục sẽ tiếp tục được thực hiện, bao gồm giáo dục hòa nhập, giáo dục bán chuyên biệt, và giáo dục chuyên biệt. Tuy nhiên, “Nhà nước khuyến khích người khuyết tật tham gia vào giáo dục hòa nhập” và hai phương pháp còn lại chỉ nên được sử dụng khi giáo dục hòa nhập không phù hợp hoặc nếu gia đình/người giám hộ cảm thấy cần thiết (Chính phủ CHXHCNVN, 2010).

Luật NKT đồng thời quy định rằng các giáo viên, giảng viên, nhân viên văn phòng và nhân viên trợ giúp giáo dục trực tiếp tham gia vào giáo dục cho người khuyết tật sẽ được hưởng trợ cấp. Bên cạnh đó, Luật cũng làm sáng tỏ nhiệm vụ và hoạt động của các Trung tâm Hỗ trợ và Phát triển Giáo dục Hòa nhập.

³ ICF được xây dựng bởi Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) nhằm cung cấp một ngôn ngữ chung trong y tế và các vấn đề liên quan. Bởi lẽ khuyết tật chỉ có thể được hiểu hoàn toàn trong bối cảnh xã hội của nó, khung ICF miêu tả khuyết tật như sự tương tác của ba lĩnh vực: chức năng cơ thể, hoạt động, và các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến những hoạt động này (WHO, 2002). Phần lớn các khảo sát dựa trên khung ICF đều sử dụng một bộ câu hỏi ngắn do Nhóm Washington về Thông số Khuyết tật (WGDS) soạn thảo.

4.3. Giáo dục Hòa nhập vào năm 2015 và các hỗ trợ pháp lý khác từ Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) từ lâu đã khẳng định cam kết thực hiện giáo dục hòa nhập cho tất cả trẻ em Việt Nam, không kể giới tính, dân tộc, vai vế xã hội hay bất kỳ yếu tố nào khác mà có thể dẫn đến sự tách biệt. Kế hoạch Hành động Quốc gia Giáo dục cho mọi người (EFA) 2003 – 2015 đã chứng minh rằng Bộ GDĐT luôn theo đuổi những phát triển và phương pháp tiếp cận mới để đảm bảo tất cả trẻ em có khả năng tiếp xúc với tối thiểu là giáo dục tiểu học. Tuy nhiên, Kế hoạch Hành động này không nhấn mạnh giáo dục cho trẻ khuyết tật, thể hiện sự thiếu quan tâm tới vấn đề khuyết tật vào thời điểm đó ở cấp lãnh đạo. Trên thực tế, chính việc trẻ khuyết tật ít có cơ hội học tập có thể làm cho Việt Nam không đạt được các mục tiêu EFA vào năm 2015. Đối mặt với vấn đề này, Bộ GDĐT đã ban hành Quyết định 23/2006/QĐ-BGD&ĐT về giáo dục hòa nhập cho TKT. Vào năm 2007, Bộ GDĐT đã xây dựng một kế hoạch cụ thể để hỗ trợ giáo dục TKT, đó là Chiến lược và Kế hoạch giáo dục trẻ khuyết tật giai đoạn 2007- 2010 và tầm nhìn 2015.

Gần đây, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (LĐTBXH) kết hợp với Bộ GDĐT cũng đã có bước tiến quan trọng trong việc triển khai giáo dục hòa nhập thông qua việc xuất bản một bản hướng dẫn việc thành lập và hoạt động của các trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập. Các trung tâm này sẽ cung cấp thông tin, tài liệu, giáo trình, hộ trợ cho phụ huynh, phát hiện sớm, can thiệp sớm và các dịch vụ khác có ích cho người khuyết tật và gia đình họ. Các trung tâm này cũng hoạt động trong một mạng lưới các dịch vụ giáo dục hòa nhập, kết nối phụ huynh với giáo viên, chuyên viên y tế, v.v. Với sự xuất bản của Thông tư Liên tịch số 58/2012/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH về *Quy định điều kiện và thủ tục thành lập, hoạt động, đình chỉ hoạt động, tổ chức lại, giải thể Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Giáo dục Hòa nhập cho Trẻ Khuyết tật*, hai Bộ LĐTBXH và GDĐT hy vọng sẽ xây dựng được các trung tâm có hoạt động hiệu quả ở tất cả 64 tỉnh thành.

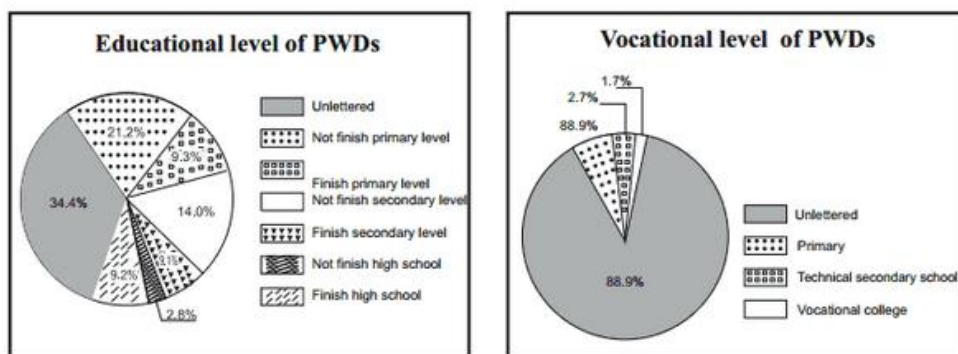
5. Thực tiễn giáo dục hòa nhập ở Việt Nam

Hiện ở Việt Nam có ba loại giáo dục cho TKT: giáo dục chuyên biệt, giáo dục hội nhập, và giáo dục hòa nhập. Theo bản báo cáo thường niên năm 2010 của Ban Điều phối các hoạt động hỗ trợ người tàn tật Việt Nam, hiện tại khắp cả nước có 106 trường chuyên biệt, mỗi trường có khả năng phục vụ khoảng 100 học sinh. Mặc dù trước đây đã có nhiều nỗ lực mở thêm các trường chuyên biệt mới, bây giờ mỗi năm chỉ có thêm hai trường. Các trường chuyên biệt này chủ yếu phục vụ các học sinh khiếm thính và khiếm thị, còn các em với khuyết tật vận động thường hoặc đi học ở trường bình thường nếu may mắn, hoặc được chăm sóc ở các trung tâm phục hồi chức năng, hoặc ở nhà. Hơn thế nữa, phần lớn các trường chuyên biệt được đặt ở các khu vực thành phố, mặc dù 75% người khuyết tật sinh sống ở khu vực nông thôn (ILO, 2013).

Giáo dục hội nhập bao gồm các lớp học cộng đồng ban ngày, nhóm tình nguyện, lớp học dân tộc, lớp học tình thương, v.v. Mặc dù những lớp học này rất hữu ích trong việc tạo dựng những mối quan hệ bền vững giữa TKT và cộng đồng, chúng thường diễn ra với quy mô nhỏ và không có khả năng phục vụ rất nhiều trẻ khuyết tật.

Trên thực tế, giáo dục hòa nhập phục vụ lượng lớn nhất các TKT có khả năng đi học. Trong năm học 2008 – 2009, thống kê Bộ Giáo dục và Đào tạo cho thấy 390,000 TKT đang theo học các trường bình thường khắp cả nước (HI, 2012). Mặc dù con số này cho thấy rất nhiều TKT đang được hưởng lợi từ giáo dục hòa nhập ở Việt Nam hiện nay, nó vẫn chỉ là 28% tổng số trẻ khuyết tật. Bên cạnh đó, phần lớn các học sinh này đều đang học ở cấp mẫu giáo hoặc tiểu học; mức theo học của TKT ở các trường trung học cơ sở chỉ ít hơn 1% (NCCD, 2010). Có thể thấy rõ, hệ thống hiện tại chưa được trang bị để có thể phục vụ nhu cầu học tập của TKT. Do không có sự hỗ trợ thích đáng, nhiều TKT không thể đạt chuẩn để lên lớp, và các em này chỉ tiếp tục học lại lớp cho đến khi các em quá tuổi đi học hoặc chi phí đi học quá cao so với lợi ích thu được. Hơn nữa, cái được gọi là “hòa nhập” thực chất chỉ là đặt các em học sinh vào lớp học bình thường mà không cung cấp thêm bất cứ sự trợ giúp nào khác. Mặc dù học sinh khuyết tật vẫn có khả năng học trong một lớp học như này, các em gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình học tập. Các lớp học hội nhập như này làm giảm khả năng thành công của TKT.

Tóm lại, chỉ 9,2% người khuyết tật trong cả ba phương pháp giáo dục trên là đã có bằng tốt nghiệp phổ thông (NCCD, 2010). Biểu đồ dưới đây miêu tả chi tiết hơn về các mức độ học hành của người khuyết tật.



Nguồn: Điều tra về việc Thực thi Pháp lệnh về Người Tàn tật, MOLISA, 2008 (NCCD, 2010)

6. Những thách thức cần được giải quyết

6.1. Nhận trẻ khuyết tật vào các lớp học hòa nhập

Hiện tại, dường như giáo dục hòa nhập chỉ được thực hiện tùy ý ở các trường mà không có bất cứ sự tổ chức chỉ đạo điều hành nào từ các cấp trên. Mặc dù đã có những chính sách quy định giáo dục hòa nhập cho tất cả trẻ em có khả năng đi học, phần lớn các trường phớt lờ luật pháp và không chịu nhận TKT vào học. Để có thể cho con mình đi học, phụ huynh của TKT phải có những nỗ lực phụ, với nhiều người thậm chí phải viện đến biện pháp hối lộ. Ngoài ra, khắp cả nước cũng có sự khác biệt giữa mức độ phát triển giáo dục hòa nhập.

Mỗi tỉnh có một mức độ sẵn sàng thực thi giáo dục hòa nhập riêng. Những nơi đã từng triển khai các dự án giáo dục hòa nhập trong quá khứ thì giờ đây sẵn sàng thực hiện Luật mới người khuyết tật hơn rất nhiều so với những nơi khác. Ví dụ như ở tỉnh Bắc Kạn, nơi mà tổ chức Handicap International đã thực hiện dự án Giáo dục Hòa nhập của họ, các giáo viên nói rằng những kinh nghiệm họ tích lũy được từ thời gian tham gia vào dự án đã giúp họ rất nhiều trong việc tiên đoán những vấn đề có thể nảy sinh khi thực hiện Luật NKT mới. Họ cũng sẵn sàng hơn

để nhận TKT vào lớp học của mình và chỉnh sửa giáo trình để phục vụ được nhu cầu của TKT. Để giúp những giáo viên và nhân viên mới được tiếp xúc với giáo dục đặc biệt, những người có nhiều kinh nghiệm tiếp tục đi thăm các khu vực khác nhau của tỉnh để tuyên truyền lý thuyết và thực tiễn giáo dục hòa nhập. Tuy nhiên, thành công trong giáo dục hòa nhập vẫn bị bó hẹp bởi các biên giới tỉnh, và việc khuyến khích giáo dục hòa nhập sẽ dễ dàng hơn nếu MOET triển khai một diễn đàn quốc gia cho các nhà giáo quan tâm đến việc cải thiện giáo dục cho TKT.

Một cách khác để nhân rộng thành công của giáo dục hòa nhập là một mạng lưới rộng lớn của các trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập. MOET đã và đang khuyến khích mỗi tỉnh xây dựng ít nhất một trung tâm giáo dục hòa nhập. Những trung tâm này là các nguồn chuẩn bị quý giá cho trẻ khuyết tật trước khi bước vào lớp học hòa nhập với dịch vụ can thiệp sớm và các lớp học kỹ năng sống. Với Thông tư Liên tịch #58/2012/TTLT-BGDĐT-BLDTBXH hướng dẫn sự thành lập và hoạt động của các trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập, các trường và trung tâm chuyên biệt trước đây đang dần được biến thành các trung tâm hỗ trợ mới để phát triển và khuyến khích hòa nhập. Tuy nhiên, tính đến thời điểm này, mới có 20 tỉnh có trung tâm giáo dục hòa nhập. Thực tế, ngay cả thủ đô Hà Nội vẫn chưa có một trung tâm chính thức dành cho việc phát triển giáo dục hòa nhập; phần lớn các trung tâm hoặc là thuộc tư nhân hoặc là các trung tâm nhỏ trực thuộc các trường sư phạm và không quảng bá dịch vụ của họ.

Một vấn đề khác với việc phát triển giáo dục hòa nhập đó là phần lớn những trường có kinh nghiệm thực hiện giáo dục hòa nhập chỉ có thể được tìm thấy ở các thành phố lớn, và điều này trở thành một thách thức lớn khi 75% trẻ khuyết tật sống ở khu vực nông thôn (UNFPA, 2011). Giao thông ở những khu vực này đã khó khăn đối với người không khuyết tật; đối với cộng đồng khuyết tật, việc đi lại có thể coi là không thể. Điều này càng làm giảm đi lựa chọn trường học cho TKT.

Không phải trường nào cũng cho phép TKT nhập học. Các nguyên nhân có thể bao gồm thiếu cơ sở vật chất, giáo viên chưa đủ kỹ năng, không có chỗ trống, hay ngay cả sự chú trọng vào điểm số dẫn đến chọn lọc trong tuyển sinh. Một số người tin rằng TKT sẽ không thể học tốt và sẽ kéo toàn bộ thành tích của trường xuống, mặc dù đây hoàn toàn là hiểu lầm. Dĩ nhiên những ý nghĩ như này bắt nguồn từ quan niệm sai lầm rằng người khuyết tật chỉ là những người vô tích sự.

Phụ huynh cũng có thể trở thành nguồn gốc cho sự tuyển sinh chọn lọc, nhất là ở các thành phố lớn nơi mà gia đình có nhiều lựa chọn để xem xét. Phụ huynh thường mong muốn những ngôi trường tốt nhất, nổi tiếng nhất, và phụ huynh của TKT cũng không khác biệt. Ở Thành phố Hồ Chí Minh, mặc dù có quy định rằng tất cả các trường công lập phải nhận TKT trong quận của mình, rất nhiều trường từ chối TKT với lý do rằng trường học đã hết chỗ. Hiện tượng này khiến cho nhiều trường nhận thêm TKT so với quy định. Ví dụ như trường tiểu học Nguyễn Thiện Thuật có rất nhiều lớp học có nhiều hơn sáu học sinh khuyết tật, mặc dù MOET chỉ cho phép tối đa ba học sinh mỗi lớp. Tại Hà Nội, phụ huynh của TKT tiếp tục tranh giành một suất học ở trường tiểu học Bình Minh nơi có hai lớp học “hòa nhập” với mỗi lớp có khả năng phục vụ 10 học sinh. Tuy nhiên, trường Bình Minh luôn luôn nhận quá con số này, và số tiền để được vào học ở đây có thể lên đến hàng nghìn đô-la Mỹ ngay cả khi gia đình có những mối quan hệ đặc biệt với quan chức cấp cao.

Giáo dục hòa nhập không thể thành công nếu phụ huynh và nhà trường tiếp tục đặt TKT với trẻ bình thường mà không quan tâm đến tỉ lệ hay khả năng của trường. Nếu như có nhiều trường hơn sẵn sàng thực hiện giáo dục hòa nhập, ngay cả khi mỗi trường chỉ nhận 4 – 5 học sinh một năm, hiện tượng quá tải ở một số trường nhất định như hiện nay sẽ biến mất. Phụ huynh cũng cần phải quên đi sự chú trọng mù quáng vào danh tiếng của trường và nhận ra rằng cho TKT học tập ở một ngôi trường có nhiều TKT sẽ chỉ đem kết quả ngược với mong đợi. Nhà trường cũng cần phải dừng việc phớt lờ luật pháp và chính sách liên quan đến quyền được đi học của TKT; tất cả các trường công lập cần phải nhận tất cả đứa trẻ có khuyết tật nếu đúng tuyến tuyển sinh.

6.2. Đào tạo về giáo dục hòa nhập cho giáo viên và cán bộ

Các giáo viên và cán bộ thiếu trầm trọng sự đào tạo về giáo dục đặc biệt trước khi vào nghề, đặc biệt là với giáo dục hòa nhập. Phần lớn những người quan tâm đến dạy học và/hoặc làm việc với trẻ khuyết tật chỉ có thể theo đuổi khoa giáo dục đặc biệt, nơi cung cấp những kĩ năng thiết yếu để dạy theo nhu cầu của trẻ khuyết tật nhưng không nhất thiết hướng dẫn giáo viên cách sử dụng các kĩ năng này trong môi trường hòa nhập bình thường.

Từ hơn một thập kỷ nay, rất nhiều trường sư phạm đã mở ra chuyên ngành giáo dục đặc biệt, hoặc ít nhất cho cơ hội học môn giáo dục đặc biệt. Mỗi năm khoảng 800 sinh viên đại học tốt nghiệp với tấm bằng giáo dục đặc biệt, và con số này tiếp tục tăng lên hàng năm (MOET, 2010). Giáo trình cho chuyên ngành giáo dục đặc biệt luôn được đổi mới, với sự trợ giúp từ các giảng viên và đối tác nước ngoài. Điều này cho thấy hiện nay đã có nhiều giáo viên có chuyên môn cần thiết để chăm sóc cho trẻ khuyết tật.

Điều đáng buồn là những lý thuyết và thực tiễn về giáo dục hòa nhập vẫn chưa được cập nhật trong giáo trình giáo dục đặc biệt. Mặc dù tất cả giáo viên tương lai nên được tăng thêm chuyên môn về giáo dục hòa nhập, ngay cả các sinh viên ngành giáo dục đặc biệt vẫn ít biết đến phương pháp giảng dạy này. Tại Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, trong số 60 tín chỉ cần thiết để tốt nghiệp trong ngành giáo dục đặc biệt, môn học Giáo dục Hòa nhập chỉ đáng 1 tín chỉ và hơn nữa, nó chỉ là một môn tự chọn. Tình hình này có thể được thấy ở các trường đại học và cao đẳng khắp cả nước. Mọi quan tâm vào giáo dục hòa nhập và đề xuất đưa đề tài này vào giảng dạy sư phạm mới chỉ xuất hiện vài năm trở lại đây. Chính vì vậy, phần lớn các trường vẫn mới đang chuẩn bị tài liệu và kế hoạch cho bộ môn giáo dục hòa nhập và có thể thấy rõ sự chưa sẵn sàng trong việc đưa giáo dục hòa nhập thành một phần bắt buộc của đào tạo sư phạm.

Trong khi đó, một vấn đề cấp bách khác đang dần hiện rõ trong giáo dục cho TKT. Hiện tại chúng ta đang thiếu giáo viên có chuyên môn để thực hành giáo dục hòa nhập hay cung cấp các dịch vụ can thiệp sớm để chuẩn bị cho giáo dục hòa nhập. Các trung tâm can thiệp sớm tư nhân đã tự giải quyết vấn đề này bằng cách tuyển dụng những người chưa bao giờ được đào tạo chính thống về giáo dục cho TKT. Với tình hình việc làm hiện nay ở Việt Nam, rất nhiều sinh viên mới ra trường mà chưa tìm được việc làm đã chuyển sang làm giáo viên đặc biệt, dù cho học có theo học những ngày khác không liên quan đến giáo dục. Một số người có theo học một khóa học 12 ngày về giáo dục đặc biệt do Bộ GDĐT mở ra, tuy nhiên cũng còn rất nhiều người tiếp tục làm việc với TKT mà không có bằng cấp hay giấy chứng nhận chính thống. Hiện tượng

này có thể có những ảnh hưởng tiêu cực tới đứa trẻ khuyết tật đã rất dễ bị tổn thương và cần sự chú ý và chăm sóc đúng đắn.

Còn về mặt huấn luyện trong nghề, các giáo viên mới chỉ được giới thiệu với lý thuyết giáo dục hòa nhập thông qua những hội thảo độc lập được tổ chức bởi các tổ chức phi chính phủ kết hợp với MOET. Những hội thảo này thường là một phần của những dự án giáo dục hòa nhập của những tổ chức như Catholic Relief Services (CRS) hay Handicap International (HI). Vì lẽ đó, chúng chỉ phục vụ được một nhóm nhỏ các giáo viên sống xung quanh nơi thực hiện dự án. Tuy nhiên, những người đã được tham gia những hội thảo này đều bày tỏ rằng họ đã được cung cấp những thông tin rất quý giá, và ít nhất thì nó cũng đã giúp người giáo viên có thể tự tin nhận một trẻ khuyết tật vào lớp học của mình. Trung tâm Giáo dục Đặc biệt trực thuộc Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam dự định sẽ tiếp tục tổ chức những hội thảo này ở các quận huyện mới để có thể với tới những nơi mà chưa có khả năng mang đến cho TKT một nền giáo dục chất lượng.

Để tiếp nối thành công của những hội thảo này, các giáo viên nên có nhiều cơ hội để chia sẻ thông tin và kinh nghiệm về giáo dục hòa nhập ngay cả sau những sự kiện này. Họ cũng nên được cung cấp những nguồn thông tin để cập nhật tin tức về các phương thức giáo dục hòa nhập mới trên toàn đất nước và thế giới, ví dụ như một tạp chí dành riêng cho giáo viên đặc biệt. Các nhóm giáo viên cũng nên được tạo điều kiện để đến thăm những trường thực hiện hòa nhập khác để quan sát và nhận xét.

6.3. Sự cộng tác giữa các bộ ngành

Có nhiều bộ ngành liên quan trong việc chăm sóc người khuyết tật. Đương nhiên, Bộ Y tế đảm nhận công tác cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe và hỗ trợ y tế. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội cung cấp dịch vụ phục hồi chức năng và tiền trợ cấp, chủ yếu hướng đến những người có khuyết tật thể chất và nạn nhân chiến tranh. Bộ Giáo dục và Đào tạo quan tâm đến giáo dục đặc biệt và đào tạo nghề cho người khuyết tật. Vấn đề khuyết tật có liên quan đến nhiều đối tượng, vậy nên phương pháp tiếp cận đa đối tượng đối với giáo dục đặc biệt, nhất là giáo dục hòa nhập, là phương pháp đúng đắn (HI, 2012).

Tuy nhiên, với cách chia trách nhiệm truyền thống, vấn đề thực hành giáo dục đặc biệt bị chia sẻ giữa Bộ GDĐT và LĐTĐBXH. Đó là bởi vì trong quá trình thiết lập kế hoạch giáo dục đặc biệt, Bộ GDĐT chỉ tập trung vào khuyết tật nghe, nhìn, và trí óc. Ngay cả các chương trình đào tạo sư phạm cũng chỉ tập trung vào ba lĩnh vực: nghe, nhìn, và trí óc. Khi được hỏi về giáo dục cho trẻ khuyết tật thể chất, một cán bộ của Trung tâm Giáo dục Đặc biệt, Bộ GDĐT trả lời rằng các em thuộc dạng khuyết tật đó thuộc trách nhiệm của Bộ LĐTĐBXH, và Bộ GDĐT không có thông tin gì cả. Thông thường, những người có vấn đề về vận động sẽ được đưa vào các trung tâm phục hồi chức năng trực thuộc Bộ LĐTĐBXH. Mặc dù nhiệm vụ chính của những trung tâm này là phục hồi chức năng, họ vẫn tổ chức các lớp học và dạy nghề cho người khuyết tật. Tuy nhiên, các lớp học này không liên quan tới kế hoạch giáo dục đặc biệt của Bộ GDĐT. Hơn vậy, do các lớp này được tổ chức trong các trung tâm chuyên biệt, người khuyết tật ở đây hoàn toàn không có cơ hội tham gia vào xã hội và hòa nhập với cộng đồng. Với mục tiêu quốc gia là sự hòa nhập xã hội của người khuyết tật, LĐTĐBXH có lẽ nên xem xét lại truyền thống đưa người khuyết

tập vào các trung tâm phục hồi chức năng và phối hợp hơn với Bộ GDĐT để xây dựng một hệ thống giáo dục hòa nhập hiệu quả.

Sự liên kết giữa các bộ ngành chưa bền vững cộng với những vấn đề trong công tác phối hợp giữa các khu vực và tổ chức cũng dẫn tới những thiếu sót về mặt dữ liệu thống kê ở Việt Nam. Điều này dẫn đến một vấn đề khác trong các công trình công cộng, khi các xe lăn vẫn chưa thể tiếp cận những nơi này và người khuyết tật nói chung vẫn còn nhiều khó khăn để sử dụng. Ví dụ như xe buýt ở Việt Nam không có ghế ngồi đặc biệt đạt chuẩn cho người khuyết tật; lối đi giữa quá nhỏ; và các xe buýt không có cách nào để cho xe lăn lên và xuống. Bên cạnh đó, các kiến trúc sư vẫn chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc xây dựng các công trình phù hợp với nhu cầu của người khuyết tật, và đã có rất nhiều trường hợp mà đường dốc dành cho người khuyết tật thực chất lại quá dốc để xe lăn có thể đi lại được. Như ông Trần Xuân Hiếu, Chủ tịch Hội Người Khuyết tật quận Hoàng Mai, Hà Nội, đã nhận xét gần đây, “Phần lớn các tòa nhà không có [các chức năng dành cho người khuyết tật], và ngay cả những nơi có thì các chức năng ấy chỉ làm cảnh; người khuyết tật không thể sử dụng chúng.”⁴ Tình trạng ở các trường học công lập đương nhiên cũng không khác gì, và nếu như vấn đề này không được giải quyết, giáo dục hòa nhập sẽ không thể phục vụ nhu cầu của tất cả trẻ khuyết tật.

Giáo dục hòa nhập cho TKT cần sự đóng góp của rất nhiều bên liên quan. Đây không chỉ là trách nhiệm riêng của Bộ GDĐT hay LĐTĐ. Thay vào đó, sự phối hợp của nhiều bộ ngành khác như Bộ Giao thông Vận tải hay Bộ Xây dựng là thiết yếu cho sự thành công của giáo dục hòa nhập. Ngoài ra chúng ta cũng cần có sự phối hợp bền vững giữa các cấp, từ trung tâm đến địa phương, để đảm bảo sự thi hành có hiệu quả các chính sách và hướng dẫn và các chương trình thành công có thể được truyền bá khắp cả nước.

Trên thực tế, Việt Nam đã có khá nhiều các chương trình khả quan hướng đến khuyến khích sự hòa nhập xã hội của trẻ khuyết tật. Mục dưới đây sẽ miêu tả ba dự án trong số những chương trình này.

7. Các dự án thí điểm khả quan về giáo dục hòa nhập

7.1. Dự án Giáo dục Hòa nhập tại tỉnh Bắc Kạn của Handicap International (Trung du miền núi Bắc Bộ)

Từ lâu Handicap International (HI) đã là một tổ chức rất tích cực trong việc hỗ trợ và đấu tranh cho quyền lợi của người khuyết tật ở Việt Nam. Vào năm 2009, cùng với Save the Children Vietnam, HI đã tiến hành một dự án mới mang tên *Hướng tới Giáo dục Hòa nhập cho Trẻ Khuyết tật và Trẻ bị thiệt thòi dựa trên Nhân quyền tại tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam*. Dự án đã kết thúc vào tháng 3 năm 2012; mặc dù bản báo cáo đánh giá cuối cùng vẫn chưa được xuất bản, Quản lý Dự án Marieke Stevens gần đây đã quay lại Bắc Kạn và chứng kiến những nỗ lực vẫn đang tiếp tục để đẩy mạnh giáo dục hòa nhập và sự hòa nhập xã hội của TKT và trẻ bị thiệt thòi của tỉnh.

Những mục tiêu cơ bản của dự án này bao gồm đẩy mạnh sự hòa nhập xã hội của trẻ khuyết tật và trẻ bị thiệt thòi thông qua việc đẩy mạnh giáo dục hòa nhập dựa trên nhân quyền,

⁴ (“Lối đi nao” dành cho người khuyết tật, 2013)

tạo điều kiện thuận lợi cho phụ huynh và mạng lưới cộng đồng có thể tham gia đóng góp hướng tới xây dựng những tổ chức mang tính xã hội công dân, và nâng cao năng lực của Sở Giáo dục Đào tạo tỉnh Bắc Kạn trong vấn đề thực hiện giáo dục hòa nhập. Để đạt được những mục tiêu trên, dự án đã tổ chức những hoạt động sau:

- Thực hiện các khóa đào tạo cho giáo viên, nhà quản lý, và các phụ huynh học sinh;
- Xây dựng một Đội Hỗ trợ Giáo dục Hòa nhập, bao gồm năm giáo viên có trách nhiệm tiếp quản hoạt động của dự án và nhân rộng các thành công ở các xã và huyện khác;
- Các hoạt động Trẻ-tới-Trẻ: thông qua những trò chơi và hoạt động xây dựng tình bạn, tất cả các trẻ, dù sinh ra có hay không có khuyết tật, bắt đầu hiểu về khuyết tật là những rào cản xã hội, về chống phân biệt đối xử, và bắt đầu có thái độ tích cực;
- Thành lập các Câu lạc bộ Phụ huynh học sinh để đẩy mạnh mối quan hệ giữa nhà trường và cha mẹ và đảm bảo rằng phụ huynh cũng có tiếng nói trong việc phát triển giáo dục hòa nhập (HI, 2012).

Quả thật, Đội Hỗ trợ Giáo dục Hòa nhập đã trở thành chìa khóa dẫn đến tính bền vững của dự án này. Một năm sau khi dự án kết thúc, các đội này vẫn tiếp tục hoạt động. Mặc dù tần suất mà các đội này đi thăm các trường hòa nhập địa phương đã giảm xuống từ hai lần mỗi tháng xuống còn hai tháng một lần, các thành viên của Đội Hỗ trợ Giáo dục Hòa nhập vẫn tiếp tục nâng cao nhận thức và hướng dẫn thực hiện giáo dục hòa nhập ở địa phương. Hơn thế nữa, độ quay vòng của các giáo viên ở tỉnh Bắc Kạn khá cao, và mặc dù điều này có thể gây khó khăn trong việc thiết lập một môi trường hòa nhập ổn định cho TKT và trẻ bị thiệt thòi, nó cũng đóng góp cho sự nâng cao nhận thức về tầm quan trọng và những lợi ích của hòa nhập.

Các Câu lạc bộ Phụ huynh cũng tiếp tục đóng vai trò một mạng lưới hỗ trợ quý giá, khuyến khích mọi gia đình trong cộng đồng đóng góp cho sự phát triển của giáo dục hòa nhập trong trường học. Mặc dù hầu hết những phụ huynh này đều rất nghèo và bận rộn làm việc, họ vẫn dành thời gian cho những hoạt động gây quỹ mà HI đã giới thiệu cho họ. Ngay cả ở những cộng đồng nghèo khó hơn nơi mà các hoạt động gây quỹ khó có thể thực hiện được, phụ huynh vẫn tình nguyện dành thời gian lau dọn và sửa chữa những nơi bị hư hỏng nặng nề ở trường học.

Nhờ có dự án này, các giáo viên, nhà quản lý, và cán bộ ở Sở Giáo dục và Đào tạo giờ đã sẵn sàng để đưa Luật Người Khuyết tật mới vào thi hành ở khắp tỉnh. Với kiến thức có được từ các cuộc hội thảo huấn luyện và ba năm kinh nghiệm với giáo dục hòa nhập, họ giờ đã có những tài nguyên quan trọng để đảm bảo rằng tất cả trẻ em bị thiệt thòi, bao gồm trẻ khuyết tật, có thể tiếp cận với giáo dục và có khả năng được hòa nhập hoàn toàn vào với xã hội.

7.2. Trung tâm Hỗ trợ Giáo dục Hòa nhập cho Trẻ Khuyết tật Đắc Lắc (Tỉnh Đắc Lắc, Tây Nguyên)

Năm 2007, MOET chỉ đạo Trung tâm Hỗ trợ Giáo dục Hòa nhập Đắc Lắc trở thành mô hình thí điểm cho chương trình chuyển các trung tâm chuyên biệt cũ thành trung tâm giáo dục hòa nhập. Tính tới thời điểm này, Trung tâm đã hoạt động được 10 năm với rất nhiều thành công trong can thiệp sớm và những dịch vụ khác cho TKT. Các giáo viên và cán bộ ở Trung tâm Đắc Lắc đều đã được học qua nhiều hội thảo và khóa học tổ chức bởi MOET, Bộ Y tế, và các chuyên

viên từ Hà Lan. Trung tâm Đắc Lắc giờ đã trở thành mô hình cho tất cả các trung tâm giáo dục hòa nhập khắp cả nước.

Những hoạt động chính của trung tâm này đều hướng tới cung cấp hỗ trợ cho các chuyên viên can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập, bao gồm:

- Hỗ trợ, tư vấn về xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân;
- Xây dựng bài học/hoạt động hòa nhập hiệu quả trong lớp học có trẻ các dạng khuyết tật khác nhau, đồ chơi, đồ dùng dạy học hòa nhập đặc thù, các hoạt động ngoài giờ học và ngoại khóa nhằm tăng cường sự tham gia của trẻ khuyết tật;
- Xây dựng vòng tay bè bạn và nhóm hỗ trợ cộng đồng;
- Hỗ trợ cán bộ quản lí, giáo viên cốt cán trong công tác quản lý chuyên môn;
- Xây dựng và tiến hành các nghiên cứu điển hình;
- Theo dõi, hỗ trợ trẻ khuyết tật tái hòa nhập đã được hỗ trợ tại Trung tâm;
- Cập nhật các dữ liệu về trẻ và người khuyết tật của tỉnh (Dak Lak Inclusive Education Support Center).

Trung tâm hiện đang cung cấp giáo dục chuyên biệt cho khoảng 150 TKT chưa sẵn sàng tham gia vào trường hòa nhập. Tuy nhiên, Trung tâm hoàn toàn tin tưởng rằng giáo dục chuyên biệt chỉ là “tiền-hòa nhập”. Các em sẽ được huấn luyện về các kỹ năng sống và các dịch vụ can thiệp khác để chuẩn bị cho việc tham gia theo học ở trường bình thường. Mỗi năm, từ 20 đến 30 học sinh có thể chuyển tiếp lên giáo dục hòa nhập.

Trung tâm cũng hỗ trợ các giáo viên, nhà quản lý và nhà chức trách chưa có nhiều kinh nghiệm với giáo dục hòa nhập. Trung tâm có một đội ngũ giáo viên riêng chuyên đi đến các trường khác nhau và cung cấp chuyên môn của họ khi cần thiết. Trung tâm Đắc Lắc cũng tổ chức các hội thảo, hội nghị, v.v. cho phụ huynh và giáo viên của TKT. Đối với các thanh niên bị khuyết tật, dịch vụ việc làm và dạy nghề cũng được cung cấp.

Trong năm học 2011 – 2012, Trung tâm Hỗ trợ Giáo dục Hòa nhập đã hỗ trợ được 300 TKT tham gia vào giáo dục hòa nhập. Đây là một dấu hiệu thành công đáng mừng cho Trung tâm, nhất là khi trong năm trước đó chỉ có 56 học sinh được hỗ trợ. Có thể thấy rõ, mô hình của Trung tâm Đắc Lắc cần phải được nhân rộng ở các tỉnh thành khác khắp cả nước.

Tuy nhiên, tại thời điểm này Trung tâm mới chỉ phục vụ bốn dạng khuyết tật: nghe, nhìn, trí tuệ và tự kỷ. Đối với những em có các dạng khuyết tật khác, sự hỗ trợ mà các em thường nhận được khi tham gia vào giáo dục hòa nhập vẫn chưa được làm sáng tỏ.

7.3. Hệ thống Chăm sóc Hy vọng – Children of Vietnam (Đà Nẵng, Bắc Trung Bộ)

Từ năm 2008, Children of Vietnam (CoV) đã làm việc với chính phủ địa phương tại thành phố Đà Nẵng để thực hiện chương trình *Hệ thống Chăm sóc Hy vọng cho Trẻ Khuyết tật* tại ba quận ở thành phố. Chương trình tại hai quận đầu tiên, Hải Châu và Ngũ Hành Sơn, đã kết thúc thành công và chính phủ địa phương đã đưa nhiều những đổi mới từ *Hệ thống Chăm sóc Hy*

vọng vào ngân sách và dịch vụ của mình. Sử dụng kinh nghiệm và những bài học có được từ hai quận này, CoV đang tiếp tục thành công của *Hệ thống Chăm sóc Hy vọng* tại quận Cẩm Lệ với hy vọng sẽ mở rộng chương trình này tới các quận còn lại ở thành phố Đà Nẵng trong tương lai.

Chương trình *Hệ thống Chăm sóc Hy vọng* tập trung vào đưa trẻ với một phương pháp quản lý ca tổng hợp. Mỗi đứa trẻ trong chương trình đều nhận được một kế hoạch chăm sóc cá nhân, được xây dựng bởi một người Quản lý Ca dựa trên những nhu cầu của trẻ. Tiếp theo, một đội ngũ các chuyên viên từ nhiều lĩnh vực khác nhau sẽ xem xét bản kế hoạch này và đưa ra những góp ý để phát triển thành kế hoạch chăm sóc cá nhân tổng hợp. Quản lý Ca sau đó sẽ làm việc với gia đình để thực hiện kế hoạch, và đội ngũ chuyên viên sẽ giám sát tiến triển của đứa trẻ. Mấu chốt của chương trình này là sự phối hợp chặt chẽ và hiệu quả giữa nhiều đối tác khác nhau để tạo ra một hệ thống lưới bảo hộ cho tất cả trẻ khuyết tật.

Đương nhiên giáo dục là một phần quan trọng của mỗi kế hoạch chăm sóc cá nhân. Kế hoạch chăm sóc luôn khuyến nghị giáo dục hòa nhập khi phối hợp với trẻ. Sau đó CoV sẽ làm việc với các trường học đối tác địa phương để đưa những em này vào các trường hòa nhập. Tổ chức sẽ trang trải học phí và các dụng cụ học tập (vì hầu hết các gia đình trong chương trình này đều có hoàn cảnh khó khăn). Mối quan hệ tốt đẹp giữa CoV với các trường xung quanh địa bàn quận cũng có nghĩa khả năng trẻ khuyết tật được nhận vào học cao hơn so với khi phụ huynh phải tự đi tìm kiếm cơ hội. Có một số ít trường hợp các em không được đi học ở trường hòa nhập, và đó đều là do phụ huynh không hợp tác có thể là vì chưa biết đến những lợi ích của hòa nhập.

Hệ thống Chăm sóc Hy vọng cho thấy rằng các chuyên viên từ những lĩnh vực khác nhau hoàn toàn có thể hợp tác có hiệu quả trong bối cảnh ở Việt Nam để giải quyết những nhu cầu của trẻ khuyết tật, bởi vì khuyết tật là một vấn đề có rất nhiều mặt. Điều này đảm bảo là mỗi em khuyết tật có thể được phục vụ một cách tổng hợp và cân bằng và không chỉ tập trung vào mặt này hay mặt kia. Nhu cầu cho sự hợp tác có hiệu quả giữa các bộ ngành và tổ chức để bảo vệ quyền lợi của trẻ khuyết tật vẫn luôn hiện rõ, và mô hình *Hệ thống Chăm sóc Hy vọng* cho thấy một cách xuất sắc để tối đa hóa năng suất và khả năng thành công. Sự tiếp tục thể chế hóa phương pháp tiếp cận quản lý theo ca này có vẻ rất khả quan đối với vấn đề khuyết tật.

8. Tạm kết

Giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật ở Việt Nam là một vấn đề phức tạp cần sự chú ý cấp bách từ các quan chức chính phủ, giáo viên, phụ huynh, và toàn bộ xã hội. Chúng ta đã có một số thành công nhất định, ví dụ như số lượng trẻ khuyết tật trong các trường học công lập ngày càng tăng cao. Tuy nhiên, những nỗ lực cải tiến giáo dục hòa nhập ở Việt Nam vẫn còn rải rác và chưa được thống nhất vào một bản kế hoạch hành động quốc gia.

Theo rất nhiều giáo viên, cán bộ, và phụ huynh trẻ khuyết tật, ưu tiên hàng đầu là phải đem sự chú ý đến các vấn đề khuyết tật nhất là với cách nhìn dựa trên nhân quyền. Cách nhìn truyền thống ở Việt Nam về người khuyết tật có lẽ nên phải xem xét lại. Một số hành động tưởng như thể hiện tình thương và sự thông cảm với người khuyết tật ví như trao quà hay miễn thi đại học cho thí sinh khiếm thị thực chất chỉ càng làm tăng thêm sự tách biệt và phân biệt đối xử với những người khuyết tật, củng cố cái định kiến rằng họ chỉ là nhóm người kém cỏi không thể hoạt

động trừ khi được giúp đỡ đặc biệt. Hơn thế nữa, vấn đề khuyết tật thường chỉ được khai thác dưới góc nhìn nhấn mạnh những điểm khác biệt mà hoàn toàn không đề cập đến những điểm giống nhau. Đại ý của những câu chuyện về người khuyết tật không nên chỉ dừng lại ở sự thán phục nghị lực của trẻ khuyết tật hay thương hại họ vì những khiếm khuyết thể chất; các câu chuyện ấy hoàn toàn có thể tiến một bước nữa và khẳng định sự bình đẳng trong quyền lợi và khả năng giữa những người có và không có khuyết tật.

Một bước tiến nữa cần được thực hiện ngay lập tức để hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập đó là đưa hòa nhập vào phần cơ bản nhất của các chương trình đào tạo sư phạm. Đặc tính của hòa nhập cần phải được đan vào đào tạo sư phạm chứ không chỉ thêm vào như một bộ môn tự chọn. Theo lời nói của Mel Ainscow, một chuyên gia giáo dục hòa nhập nổi tiếng, "... thật khó có thể thay đổi đầu ra của mọi học sinh trừ khi có những thay đổi trong cách ứng xử của người lớn. Chính vì vậy, bước đầu tiên để phát triển trường học hòa nhập nằm ở các giáo viên (Ainscow, 2007). Đúng vậy, chỉ có các giáo viên là những người đứng trên vị trí tốt nhất để thúc đẩy việc nhận trẻ khuyết tật vào trường bình thường và cung cấp cho các em một nền giáo dục có khả năng phục vụ mọi nhu cầu của các em.

Bộ LĐTBXH và Bộ GDĐT cần cố gắng hợp tác chặt chẽ hơn trong lĩnh vực giáo dục đặc biệt, và hai bộ này cũng cần phải dùng đến sự trợ giúp từ các bộ ngành, cơ quan, và các bên liên quan khác. Khuyết tật là một vấn đề đa chiều, nên đương nhiên sẽ có nhiều bên liên quan. Nếu chúng ta muốn nhìn thấy giáo dục hòa nhập trở thành hiện thực, việc tìm cách để đưa tất cả các bên liên quan cùng hợp tác với nhau là rất cần thiết. Trong thập niên vừa qua đã có rất nhiều tổ chức phi chính phủ làm việc để cải thiện đời sống người khuyết tật ở Việt Nam, và cũng đã có rất nhiều các dự án tập trung vào giáo dục hòa nhập. Nhiều nhà giáo trên khắp cả nước cũng đã nghĩ ra những phương thức mới lạ để thực hiện giáo dục hòa nhập. Nếu họ được tạo điều kiện để chia sẻ kinh nghiệm và những thực tiễn đã có, chúng ta sẽ thấy được những bước tiến lớn trong công cuộc đưa hòa nhập vào hệ thống giáo dục quốc gia.

Trong quá trình viết bản báo cáo này, tôi đã có vinh dự được lắng nghe câu chuyện của Trần Sơn, một nạn nhân chất độc màu da cam với dị tật bẩm sinh nhưng vẫn rất thành công trong học tập. Anh ấy đã có một nhận xét rất đáng nhớ, "Tôi cảm thấy tôi lớn lên trong một môi trường quá bình thường đến nỗi tôi không thật sự cảm thấy như một người khuyết tật." Giáo dục hòa nhập là một bước đi quan trọng hướng tới một thế giới nơi sẽ không còn hiện diện cái tính chất tách biệt của khuyết tật, và tất cả những ai sinh ra với khiếm khuyết trên cơ thể mình cũng sẽ có thể nói rằng, "Tôi không cảm thấy như một người khuyết tật."

Lời cảm ơn

Bản báo cáo này sẽ không thể có được nếu không có sự trợ giúp của Tiến sĩ Charles R. Bailey và Chương trình Chất độc da cam ở Việt Nam của viện Aspen cũng như sự tài trợ của Đại học Swarthmore. Tôi cũng muốn gửi lời cảm ơn tới Trung tâm Giáo dục Đặc biệt trực thuộc Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Children of Vietnam (CoV), Trung tâm Khuyết tật và Phát triển (DRD), Handicap International (HI), và Giáo sư Võ Thị Mỹ Dung từ Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh và những thông tin quý giá mà họ đã cung cấp. Tôi đặc biệt biết ơn những phụ huynh,

giáo viên, và trẻ khuyết tật đã cho phép tôi phỏng vấn và đã tin tưởng tôi với những hy vọng và ước mơ đẹp đẽ về tương lai của giáo dục hòa nhập ở Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- "Loi di nao" danh cho nguoi khuyet tat. (2013, June 26). Retrieved July 30, 2013, from Nhan Dan: <http://www.nhandan.com.vn/xahoi/tin-tuc/item/20635802-“loi-di-nao”-danh-cho-nguoi-khuyet-tat.html>
- Me day xe lan dua con den truong thi. (2013, July 5). Retrieved July 10, 2013, from Dan Tri: <http://dantri.com.vn/khoanh-khac-mua-thi/me-day-xe-lan-dua-con-den-truong-thi-751072.htm>
- Ainscow, M. (2007). From Special Education to Effective Schools for All: a Review of Progress so Far. In *The SAGE Handbook of Special Education* (pp. 146-158). London: SAGE Publications.
- Aspen Institute. (n.d.). *What is Agent Orange?* Retrieved August 13, 2013, from Agent Orange in Vietnam Program: <http://www.aspeninstitute.org/policy-work/agent-orange/what-is-agent-orange>
- Dak Lak Inclusive Education Support Center. (n.d.). *Introduction*. Retrieved August 15, 2013, from Dak Lak Inclusive Education Support Center: <http://hyvong.edu.vn/index.php/gioi-thieu-ve-trung-tam/191-gii-thiu-v-trung-tam-h-tr-phat-trin-giao-dc-hoa-nhp-tr-khuyt-tt-tnh-k-lk>
- HI. (2012). *Inclusive Education in Bac Kan Province - Sharing Experiences Through Case Studies*. Hanoi: Handicap International.
- HI. (n.d.). *The Four Models of Disability*. Retrieved October 29, 2010, from Making PRSP Inclusive: <http://www.making-prsp-inclusive.org/en/6-disability/61-what-is-disability/611->
- ILO. (2013). *Inclusion of People with Disabilities in Viet Nam*. Hanoi: International Labour Organization.
- ISDS. (2011). *Toolkit for Reducing Stigma and Discrimination*. Hanoi: Institute for Social Development Studies.
- MOET . (2010). *Report on Inclusive Education at SEAMEO Conference*. Hanoi: Ministry of Education and Training.
- MOLISA. (2006). *National Plan to Support People with Disabilities: Period 2006-2010*. . Hanoi: Ministry of Labour, Invalids and Social Affairs.
- Mont, D., & Nguyen, V. (2011). Disability and Poverty in Vietnam. *The World Bank Economic Review*, 25(2), 323-359.
- NCCD. (2010). *2010 Annual Report on Status of People with Disabilities in Vietnam*. Hanoi: National Coordinating Council on Disability.
- Socialist Republic of Vietnam. (2010). *The National Law on Persons with Disabilities*. Hanoi: National Assembly.
- Socialist Republic of Vietnam. (2012). *Decree 28/2012/ND-CP Detailing and Guiding a Number of Articles of the Law on the Disabled*. Hanoi: Government of Vietnam.

- UN. (2006, December 13). *Convention on the Rights of Persons with Disabilities*. Retrieved July 30, 2013, from <http://www.un.org/disabilities/convention/conventionfull.shtml>
- UNESCO. (1994). *The Salamanca Statement and Framework for Action on Special Needs Education*. Salamanca: United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization.
- UNFPA. (2011). *Key Findings of Disability from 2009 Census*. Hanoi: United Nations Population Fund.
- WGDS. (n.d.). *Census Questions on Disability Endorsed by the Washington Group*. Retrieved August 14, 2013, from Washington Group on Disability Statistics:
http://www.cdc.gov/nchs/data/washington_group/WG_Short_Measure_on_Disability.pdf
- WHO. (2002). *Towards a Common Language for Functioning, Disability, and Health: ICF*. Geneva: World Health Organization.